

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 906 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy sản xuất bột cá, dầu cá dùng trong ngành thức ăn gia súc, gia
cầm và thức ăn chăn nuôi trồng thủy hải sản” tại lô Lô K4 – K5, Khu công
nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức số 890/STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 3 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất bột cá, dầu cá dùng trong ngành thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn chăn nuôi trồng thủy hải sản” tại lô K4 – K5, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/TQKH-ĐTM ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên Thiên Quỳnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1.3.0../TTr-STNMT-CCBVMT ngày ...06 tháng 4 năm 2021.

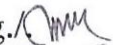
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất bột cá, dầu cá dùng trong ngành thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn chăn nuôi trồng thủy hải sản” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH một thành viên Thiên Quỳnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô K4 – K5, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Suối Tân.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/QĐ-STNMT ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường. 

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL, HB.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số... 906 /QĐ-UBND ngày 12.. tháng 4... năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bột cá, dầu cá dùng trong ngành thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn chăn nuôi trồng thủy hải sản.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô K4-K5, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Một thành viên Thiên Quỳnh Khánh Hòa

1.4. Địa chỉ: Lô K4 – K5 Khu công nghiệp suối Dầu, xã suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.5. Công suất của dự án: Sản xuất bột cá 7.000 tấn thành phẩm/năm và dầu cá 2.000 tấn thành phẩm/năm.

1.6. Công nghệ sản xuất của dự án:

- Công nghệ sản xuất bột cá: Nguyên liệu → Băm cá → Nhập bồn → Hấp cá → Ép cá → Sấy cá → Làm nguội → Sàng → Lưu bồn 2 → Tách kim loại → Nghiền mịn → Xylon → Phối trộn BHT → Đóng bao → Lưu kho bảo quản → xuất kho.

- Công nghệ chế biến dầu cá: Quy trình sản xuất bột cá → dung dịch nước → Nhập bồn 1 → Tách ngang → Nấu dịch → Ly tâm tách dầu → Nhập bồn 2 → Phối trộn BHT → Bồn chứa → Lưu kho bảo quản → xuất kho.

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

STT	Hạng mục	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích đất xây dựng (m ²)
1	Nhà để xe ô tô	1	3,5	18
2	Khu văn phòng làm việc 1	1	5,05	160
3	Khu nhà nghỉ công nhân	1	4,6	103

STT	Hạng mục	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích đất xây dựng (m ²)
4	Nhà điều khiển trạm cân	1	3,2	8,25
5	Bàn cân tải trọng	1		95,15
6	Khu để xe công nhân, khách	1	2,75	4,1
7	Nhà bảo vệ	1	3,45	9
8	Trạm điện nhà máy	1	2,5	61
9	Trạm máy phát điện dự phòng	1	2,5	31
10	Khu văn phòng làm việc 2	1	5,05	160
11	Nhà vệ sinh công nhân	1	3	12
12	Xưởng sản xuất 1	1	9,3	2.517
13	Xưởng sản xuất 2	1	8	1.254
	Nhà lò hơi	1	17,5	1.150
	Bồn nước nôi hơi	1	14,5	121
	Nhà chứa nguyên liệu cấp nhà lò hơi	1	5	41
	Trạm làm mềm nước	1	6,5	29,45
	Bể nước ngầm, trạm bơm PCCC	1	5,2	33,5

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của công nhân và nước thải từ nhà ăn trong giai đoạn vận hành khoảng 8 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải gồm Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nitrat, Photphat, Coliform, Dầu mỡ ĐTV và các tạp chất khác.

2.2.2. Quy mô, tính chất nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất khoảng 54 m³/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Amoni, tổng N, tổng P, Sunfua, Clo dư, dầu mỡ, Coliforms...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí thải từ lò hơi: Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt mùn cưa, củi băm...
- Mùi phát sinh tại công đoạn sấy cá, bụi bột cá trong công đoạn nghiền mịn từ quá trình sản xuất chế biến bột cá.
- Mùi và khí ô nhiễm phát sinh từ trạm xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và sức khỏe công nhân làm việc.

2.4. Quy mô, tính chất chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 0,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Túi nilon, chai lọ, thức ăn thừa...
- Lượng tạp chất thủy sản: xương to, vẩy thải ra khoảng 0,2 tấn/ngày.
- Lượng dầu cá cặn thải ra khoảng 133 kg/ngày.
- Đối với chất thải rắn sản xuất trong quá trình đóng gói như túi PE, hộp giấy bị rách hoặc in sai quy cách, lõi giấy cuộn băng keo, thùng carton.... khoảng 10 – 15 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 40 kg/năm. Thành phần bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì cứng thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Công ty phát sinh 02 nguồn nước thải chính đó là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các nguồn nước thải được thu gom và xử lý cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXL) của nhà máy có công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp (KCN) trước khi đầu nổi vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 7.

- Nước thải sản xuất là nước thải vệ sinh máy móc, nhà xưởng được thu gom theo mạng lưới cống thoát nước thải vào các hố ga thu gom nước thải dẫn về HTXL nước thải công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nổi của KCN trước khi đầu nổi vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 7.

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải công suất thiết kế 100 m³/ngày: Nước thải (nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ 1, nước thải sản xuất) qua Hố thu → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi siêu nông DAF → Bể sinh học kỵ khí → Bể lắng bùn kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí 1 → Bể sinh học thiếu khí 2 → Bể MBBR → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Thiết bị khử trùng → Nguồn tiếp nhận (đầu nổi vào Hệ thống thoát nước chung của KCN Suối Dầu tại cống thoát nước trên đường số 7). Bùn từ bể lắng → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Làm phân bón.

3.2. Xử lý khí thải

Hệ thống thu gom và xử lý khí thải lò hơi tăng sôi 15 tấn hơi/giờ, khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với chất thải rắn: Bố trí các thùng chứa rác nắp đậy có bọc túi ni-lon riêng biệt tại các khu vực văn phòng làm việc và khu nhà phục vụ công

nhân. Cuối ngày, rác thải được thu gom và tập trung về khu chứa rác và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Bố trí thùng thu gom chất thải rắn bằng nhựa có nắp đậy tại các khu vực dọc tuyến đường nội bộ nhà máy.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu trữ trong 2 khu vực có diện tích 7,2 - 7,5m², và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với phế phẩm:

+ Bụi bột cá phát sinh tại công đoạn nghiền được thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải chứa trong phòng kín riêng và định kỳ thu hồi bụi bột cá để tận dụng lại sản xuất bột cá.

+ Lượng tạp chất thủy sản: xương to, vẩy được tận dụng lại qua tại công đoạn nghiền sản xuất bột cá, lượng tạp chất còn lại không đáng kể sẽ thu gom chứa vào thùng kín có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Lượng dầu cá cặn thải ra được thu gom vào bình kín chuyên dùng tận dụng làm chất đốt môi lửa lò hơi.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Các loại CTNH phát sinh sẽ được Chủ đầu tư thực hiện thu gom, lưu trữ tại kho CTNH đã có của nhà máy với diện tích 16 m². Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Sau đó Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 6, Điều 17 Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi

trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án trình bày tại mục 3 Phụ lục này.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

5.2.1. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Vị trí, số lượng: 01 mẫu tổ hợp khí thải tại ống khói lò hơi sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).

- Tần suất giám sát: 05 lần (khoảng cách lấy mẫu 15 ngày/lần).

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

5.2.2. Giám sát giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Vị trí, số lượng: 01 mẫu đơn khí thải tại ống khói lò hơi sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).

- Tần suất giám sát: 07 ngày liên tiếp

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Giá trị cột B).

5.2.3. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại

1. Giám sát nước thải

- Vị trí, số lượng: 02 mẫu nước thải tại đầu vào và ra của hệ thống XLNT.
- Thông số giám sát: lưu lượng và pH, COD, tổng N, tổng P, Coliform
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nối theo hợp đồng dịch vụ thoát nước thải với Công ty CP KCN Suối Dầu.

2. Giám sát khí thải

- Vị trí, số lượng: 01 mẫu khí thải.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường.



trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.